

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **577** /UBND-LĐTBOXH  
V/v hướng dẫn thực hiện công tác  
trẻ em năm 2020

Triệu Sơn, ngày **15** tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 546/SLĐTBOXH-TEBĐG ngày 05/3/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện công tác trẻ em năm 2020, Chủ tịch UBND huyện đề nghị các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn tập trung chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em; bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh và thân thiện.

- Lồng ghép, đưa nhiệm vụ thực hiện quyền trẻ em, thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em vào Nghị quyết Đại hội các cấp; Chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và trong các chương trình, kế hoạch công tác của các phòng, ban, ngành có liên quan.

- Thực hiện rà soát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các chương trình, kế hoạch về trẻ em giai đoạn 2016 - 2020.

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch giai đoạn 2020 - 2025 mới được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt: Chương trình hỗ trợ trẻ em khuyết tật tỉnh Thanh Hóa được tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025 (Quyết định 4810/QĐ-UBND ngày 03/12/2018); Kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện của trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2019 - 2025 (Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 22/02/2019); Kế hoạch xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 13/5/2019); Kế hoạch thực hiện Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 - 2025 (Kế hoạch 189/KH-UBND ngày 30/8/2019) và Kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 - 2025, v.v...

- Tăng cường các giải pháp bảo vệ trẻ em tại địa phương theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 17/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về tăng cường công tác bảo vệ trẻ em trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Ưu tiên phòng ngừa, giải quyết tình trạng trẻ em bị bạo lực, bóc lột, xâm hại, đặc biệt bị xâm hại tình

đục, tình trạng trẻ em tử vong do đuối nước, do tai nạn giao thông và các vấn đề nóng về trẻ em tại địa phương.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách địa phương để giải quyết các vấn đề nóng về trẻ em (như: hỗ trợ, trợ giúp trẻ em bị xâm hại, bạo lực, trẻ em bị tai nạn thương tích, v.v...). Tăng cường vận động nguồn lực để hỗ trợ cải thiện tình hình sức khỏe, dinh dưỡng, tham gia hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí và hỗ trợ đồ ấm cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Bảo đảm cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về trẻ em và nhân lực thực hiện công tác trẻ em tại địa phương.

- Đến hết năm 2020 tất cả các xã, thị trấn phải bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong số cán bộ, công chức hoặc người hoạt động không chuyên trách (như: cán bộ phụ nữ, cán bộ dân số hoặc cán bộ Đoàn Thanh niên).

- Thường xuyên, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Bảo vệ trẻ em cấp xã. Thành lập Nhóm Thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã để giải quyết trực tiếp các vụ việc liên quan đến công tác bảo vệ, bạo lực, xâm hại trẻ em. Duy trì phát triển mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại các thôn, bản, xóm, phố theo quy định.

- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và thành viên của tổ chức liên ngành về trẻ em.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em đặc biệt là Luật Trẻ em, Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn một số điều chi tiết về Luật Trẻ em và các chế tài xử lý các hành vi vi phạm quyền trẻ em, xâm hại trẻ em theo quy định của pháp luật hình sự, xử lý hành chính, v.v...Đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về thực hiện quyền trẻ em trong đó chú trọng truyền thông, tư vấn kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng sống cho trẻ em, kỹ năng phòng, chống xâm hại trẻ em, v.v...Truyền thông, quảng bá rộng rãi Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (111).

5. Phối hợp, chỉ đạo việc thực hiện trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp và các tổ chức thành viên đối với việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền trẻ em, đặc biệt là vấn đề bảo vệ trẻ em tại địa phương.

- Triển khai và thực hiện sâu rộng phong trào "*Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em*" gắn với cuộc vận động "*Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*" đến từng địa bàn dân cư, gắn kết tiêu chí về thực hiện quyền trẻ em với đánh giá nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Thực hiện tốt phong trào xây dựng các tiêu chí "xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em" theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em để mọi trẻ em đều được bảo vệ, chăm sóc và đảm bảo thực

hiện các quyền cơ bản của trẻ em phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương.

6. Quan tâm tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường sự tham gia của trẻ em

- Tổ chức hiệu quả Tháng hành động vì trẻ em năm 2020 với chủ đề “*Chung tay bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em*”

- Tổ chức Diễn đàn trẻ em, Hội thi, Hội trại có sự tham gia của trẻ em nhằm xem xét và giải quyết những vấn đề, kiến nghị được trẻ em quan tâm.

- Tổ chức lấy ý kiến trẻ em trong quá trình xây dựng chính sách, chương trình, kế hoạch về trẻ em của địa phương theo quy định.

- Tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Trung thu để mọi trẻ em được vui Tết Trung thu đảm bảo an toàn, lành mạnh, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc.

- Tổ chức các sự kiện, hoạt động biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác bảo vệ trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động tăng cường xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phát triển hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp nhằm vận động nguồn lực thực hiện quyền trẻ em, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và giải quyết các vấn đề trẻ em của địa phương.

7. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các biện pháp bảo đảm môi trường sống an toàn cho trẻ em. Triển khai thực hiện tốt công tác phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích trẻ em (đặc biệt là tai nạn đuối nước), chủ động trong công tác phòng tránh dịch bệnh COVID-19 cho trẻ em tại địa bàn. Thực hiện các biện pháp giải quyết dứt điểm tình trạng trẻ em lao động sớm, lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại nguy hiểm, trẻ em phải bỏ học, chưa hoàn thành THCS phải làm việc xa gia đình để kiếm sống tại các địa phương.

8. Nắm bắt tình hình, thông tin kịp thời, tích cực chỉ đạo, phối hợp giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục, tai nạn thương tích trẻ em tại các địa phương, đặc biệt là các vụ có tính chất nghiêm trọng, phức tạp được dư luận xã hội quan tâm, do các cấp có thẩm quyền cung cấp thông tin hoặc yêu cầu giải quyết. Phối hợp, xử lý thông tin kịp thời giữa địa phương với các cơ quan bảo vệ trẻ em cấp huyện, cấp tỉnh, cấp Trung ương và Tổng Đài quốc gia Bảo vệ trẻ em (111) trong việc xác minh, hỗ trợ, can thiệp các vụ bạo lực, xâm hại trẻ em. Kiên quyết xử lý nghiêm người có hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, vi phạm quyền trẻ em và người thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ trẻ em. Lập hồ sơ, kế hoạch can thiệp, hỗ trợ đối với các trường trẻ em bị xâm hại, bạo lực, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt và nhân rộng mô hình hiệu quả về bảo vệ, chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng; mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em; mô hình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; mô hình hỗ trợ, can thiệp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ xã hội cơ bản

cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt...

9. Duy trì hoạt động cập nhật thông tin về trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị bạo lực, xâm hại, trẻ em bị tai nạn thương tích vào "Sổ ghi chép thông tin trẻ em trong hộ gia đình" và phân mềm quản lý thông tin trẻ em theo đúng quy định. Thu thập, tổng hợp thông tin kết quả chỉ số thực hiện quyền trẻ em tại địa phương để bảo đảm công tác đánh giá, xếp hạng các địa phương về thực hiện quyền trẻ em chính xác, khách quan.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, chính sách, chương trình, đề án về trẻ em, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm quyền trẻ em, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức cơ quan trong công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em. Đôn đốc, kiểm tra việc phối hợp giữa các ban, ngành, nhà trường, UBND cấp xã trong việc bàn giao, quản lý trẻ em để đảm bảo mùa hè an toàn

11. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em định kỳ (theo mẫu đề cương báo cáo gửi kèm) về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20/5 (đối với báo cáo sơ kết 6 tháng) và trước ngày 15/11 (đối với báo cáo năm) để tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định. Đồng thời, báo cáo kịp thời những vấn đề, vụ việc đột xuất, nổi cộm liên quan đến xâm hại và tai nạn, thương tích trẻ em xảy ra tại địa phương để phối hợp giải quyết.

Đề nghị các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các nội dung trên./..

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Sở Lao động - TBXH (báo cáo);
- Huyện ủy, HĐND huyện (báo cáo);
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Trung**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM**

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên 16-18 tuổi/tổng dân số	%	
<b>II</b>	<b>Tháng hành động vì trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>III</b>	<b>Tết Trung thu cho trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>IV</b>	<b>Diễn đàn trẻ em các cấp</b>		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
<b>V</b>	<b>Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội</b>		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	
<b>VI</b>	<b>Số người làm công tác trẻ em các cấp</b>		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2020
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiểm nhiệm	Người	
3	Cấp xã	Người	
3.1	Người làm công tác trẻ em cấp xã	Người	
4	Cộng tác viên thôn, ấp, bản	Người	
<b>VII</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em</b>		
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp học	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên tham gia công tác trẻ em ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3,1	Số lớp	Lớp	
3,2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
<b>VIII</b>	<b>Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em</b>		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Sở LĐTBXH (nguồn triển khai tại Sở LĐTBXH; bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ BTTE cấp tỉnh)	Triệu đồng	
	- Thành phố, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện)	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM**

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Cấu trúc, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Huyện, thị xã, thành phố đã có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Có/không	
2	Huyện, thị xã, thành phố đã có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Có/không	
6	Số xã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban bảo vệ trẻ em, Nhóm Thường trực Bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
7	Số xã có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
<b>II</b>	<b>Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh		
1.1	<i>Cơ sở công lập (bao gồm cả các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em):</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	Người	
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	<i>Cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	Người	
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng	Người	
3	Số huyện có Trung tâm công tác xã hội hoặc có văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Huyện	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## THÔNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Mẫu số 03/BVCSTE  
 Kỳ báo cáo: 2 lần/năm  
 Ngày báo cáo: 20/5 và 20/11

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước							Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Người	Người	Người	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8			
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>											
1	Trẻ em dưới 16 tuổi											
	Trong đó:											
1.1	Nam											
1.2	Nữ											
1.3	Dân tộc:											
	- Dân tộc Kinh											
	- Dân tộc khác											
<b>II</b>	<b>Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</b>											
<b>Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:</b>												
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX			
	1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc											
	2. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội											
	3. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích											
	4. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi											
2	Trẻ em bị bỏ rơi											



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	1. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
	2. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa								
	1. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.								
	2. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.								
	3. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	4. Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.								
	5. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
	6. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	7. Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em.								
	8. Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	9. Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
	10. Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	11. Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em.								
	12. Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật.								
4	Trẻ em khuyết tật								
	1. Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.								
	2. Trẻ em khuyết tật nặng.								
	3. Trẻ em khuyết tật nhẹ.								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								
	1. Sống với cha mẹ, người thân thích								
	2. Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích.								
6	Trẻ em vi phạm pháp luật								
	1. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình.								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	2. Trẻ em vi phạm pháp luật chưa xác định được nơi cư trú ổn định đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.								
	3. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn hoặc tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo.								
	4. Trẻ em chấp hành xong hình phạt tù có thời hạn hoặc chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
	1. Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện.								
	2. Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng.								
8	Trẻ em phải bỏ học kiểm soát chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								
	1. Trẻ em phải bỏ học kiểm soát chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em phải bỏ học kiểm soát chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc.								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
	1. Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động.								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	2. Trẻ em bị ru rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.								
	3. Trẻ em bị ru rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
	4. Trẻ em bị ru rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác.								
	5. Trẻ em bị ru rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục								
	1. Trẻ em bị hiếp dâm.								
	2. Trẻ em bị cưỡng dâm.								
	3. Trẻ em bị giao cấu.								
	4. Trẻ em bị dâm ô.								
	5. Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.								
12	Trẻ em bị mua bán								
	1. Trẻ em bị mua bán trở về sông với cha, mẹ hoặc người thân thích								
	2. Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải Điều trị dài ngày								
	1. Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước					Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn		
	2. Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày									
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc									
	1. Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.									
	2. Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc.									
	3. Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.									
III	<b>Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt</b>									
	<b>Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:</b>	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo.									
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo									
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS).									
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS)									
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)									

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên do cha mẹ đi làm ăn xa)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								
<b>Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:</b>		<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: số trẻ em tử vong do đuối nước								

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CÁC CHỈ TIÊU VỀ TRẺ EM TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN  
ĐÃ ĐƯỢC CHỦ TỊCH UBND TỈNH PHÊ DUYỆT**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh giai đoạn 2012 - 2020 (tại QĐ số 4179/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của UBND tỉnh)</b>	
1	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi	
3	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi	
4	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non	
6	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non	
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học	
8	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở	
9	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em	
10	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	
11	Tỷ lệ trẻ em bị bạo lực	
12	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích	
13	Tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi dành cho trẻ em đạt tiêu chuẩn	
14	Tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp	
15	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 (QĐ 1950/QĐ- UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh)</b>	
1	Tỷ lệ trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS trong diện quản lý được cung cấp các dịch vụ về y tế, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ dinh dưỡng và phát triển thể chất, chăm sóc thay thế, vui chơi giải trí và các chính sách xã hội theo quy định.	
2	Tỷ lệ cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở chăm sóc và điều trị cho trẻ em nhiễm HIV, các tổ chức xã hội có liên quan đến trẻ em HIV được cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.	
3	Tỷ lệ trường học tạo cơ hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được đi học theo nhu cầu.	
<b>III</b>	<b>Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 5328/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh)</b>	
1	Tỷ lệ pháp luật, chính sách về trẻ em ở cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện được tham vấn ý kiến trẻ em;	
2	Tỷ lệ các quyết định có liên quan đến trẻ em trong nhà trường được tham vấn ý kiến trẻ em	
3	Tỷ lệ các quyết định có liên quan đến trẻ em trong cộng đồng, xã hội được tham vấn ý kiến trẻ em	
4	Tỷ lệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện ít nhất 02 mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.	
<b>IV</b>	<b>Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 2010/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND tỉnh)</b>	
1	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích	

TT	Chi tiêu	Năm 2020
2	Tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích	
3	Số hộ gia đình có trẻ em đạt tiêu chí Ngôi nhà an toàn	
4	Số trường học đạt tiêu chuẩn Trường học an toàn	
5	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn Cộng đồng an toàn.	
6	Tỷ lệ trẻ em tử vong do tai nạn giao thông đường bộ	
7	Tỷ lệ trẻ em bị tử vong do đuối nước	
8	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ sở biết các quy định về an toàn giao thông.	
9	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước.	
10	Tỷ lệ trẻ em sử dụng áo phao khi tham gia giao thông đường thủy.	
11	Tỷ lệ tình, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thi điểm chương trình bơi an toàn cho trẻ em.	
12	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em	
13	Tỷ lệ cán bộ cấp xã, công tác viên, tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em	
V	Chương trình phòng, ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016-2020 (Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh)	
1	Tỷ lệ trẻ em có nguy cơ lao động trái quy định của pháp luật khi có thông báo, phát hiện được	
1	Tỷ lệ trẻ em có nguy cơ lao động trái quy định của pháp luật khi có thông báo, phát hiện được hồ trợ, can thiệp kịp thời	
2	Tỷ lệ trẻ em lao động trái quy định của pháp luật khi có thông báo, phát hiện được	
VI	Kết quả thực hiện Chiến lược hồ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh (QĐ số 55a/2013/QĐ-TTg ngày 04/10/2013)	
1	Tổng số trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh	
2	Số trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh cần phẫu thuật thuộc đối tượng của Quyết định số 55a/2013/QĐ-TTg	
3	Số trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh được phẫu thuật	
3	Số trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh được phẫu thuật	
	Trong đó:	
	- Số trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh được hồ trợ phẫu thuật tim miễn phí theo Quyết định số 55a/2013/QĐ-TTg	
	- Số trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh được hồ trợ phẫu thuật từ các nguồn vận động khác	
VII	Chương trình mục tiêu Hồ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 và Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 (Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 02/4/2018)	
1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển	
2	Tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại	
3	Tỷ lệ trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại có kế hoạch hồ trợ, can thiệp	
4	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi.	
VIII	Chương trình hồ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025 (tại QĐ 4081/QĐ-UBND ngày 03/12/2018)	
1	Tổng số trẻ em khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ	



TT	Chỉ tiêu	Năm 2020
2	Số trẻ em khuyết tật được cung cấp các kiến thức, kỹ năng hòa nhập cộng đồng phù hợp	
3	Số cha mẹ, người chăm sóc trẻ em khuyết tật được cung cấp các kiến thức, kỹ năng về hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại cộng đồng.	
4	Số mô hình hỗ trợ trẻ em khuyết tật tại cộng đồng	
<b>IX</b>	<b>Kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc trẻ em toàn diện trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025 (tại kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 21/02/2019)</b>	
1	Số trẻ em đến đủ 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện theo nhu cầu và phù hợp với độ tuổi về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dinh dưỡng, chăm sóc nuôi dưỡng, bảo vệ trẻ em, phúc lợi, xã hội	
2	Số mô hình chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em tại gia đình và cộng đồng.	

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## BÁO CÁO

### Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối/năm 2020

#### I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.

2. Những vấn đề trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

#### II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em;

2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ);

3. Công tác chăm sóc trẻ em;

4. Công tác giáo dục trẻ em;

5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em;

6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em;

\* Nội dung báo cáo của từng mục 1 - 6, gồm: (i) Kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu; (ii) Hoạt động theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt; (iii) Các mô hình.

7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội;

8. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em;

9. Tổng kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em trong năm 2020

*(Phần số liệu theo phụ lục 1, 2, 3, 4)*

#### III. Đánh giá kết quả đạt được

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2019

2. Những tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...)

#### IV. Kế hoạch 6 tháng hoặc năm 2021

1. Mục tiêu chung

2. Các mục tiêu cụ thể

3. Các chỉ tiêu cần đạt

4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện

5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

Nơi nhận:

-  
-

**THỦ TRƯỞNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*